

Số: 175/BC-TTYT

Kiên Hải, ngày 18 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả hoạt động công tác y tế năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2024

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC Y TẾ NĂM 2023

1. Công tác chỉ đạo, quản lý, điều hành; tổ chức:

Trong năm Trung tâm Y tế đã tham mưu Sở Y tế, Huyện ủy, UBND huyện triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ chuyên môn ngành, chương trình y tế quốc gia; phòng chống dịch bệnh và quản lý Nhà nước trong lĩnh vực y tế. Qua đó, đơn vị đã cụ thể hoá trên 1.212 văn bản¹. Đồng thời tập trung chỉ đạo các đơn vị thực hiện đánh giá duy trì Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã; các tiêu chí y tế xây dựng xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao; huyện nông thôn mới năm 2023; giao chỉ tiêu hoạt động các chương trình cho các đơn vị; Kiểm tra, giám sát và tổ chức đánh giá kết quả hoạt động của ngành 6 tháng, 9 tháng; khảo sát, giám sát và đánh giá nhu cầu sử dụng TTB-VTYT ở y tế cơ sở năm 2023...

Hệ thống Y tế huyện hiện có 1 Trung tâm Y tế (4 phòng chức năng và 7 khoa chuyên môn) và 4 Trạm Y tế xã, 10/13 Tổ y tế ấp có nhân viên; 48 cộng tác viên Dân số; tổng số giường bệnh 55 giường, tỷ lệ giường bệnh/vạn dân đạt 30,4; công suất sử dụng giường bệnh là 3% đạt 100% KH; 4/4 xã có bác sĩ biên chế làm việc; 100% Trạm Y tế xã có nữ hộ sinh, Y sỹ YHCT, dược sỹ làm việc. Biên chế hiện có: 113/132 biên chế giao⁽²⁾. Hiện nay, huyện có tỷ lệ 11,65 BS/VD; 3,9 DSDH/VD; 100% xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế; 4/4 xã duy trì tiêu chí y tế xã nông thôn mới.

2. Kết quả đạt được của từng chương trình/dự án/đề án

2.1. Công tác khám, chữa bệnh:

Tổng số lượt khám chữa bệnh trong năm: 30.390 lượt đạt 122% kế hoạch, trong đó: Trẻ em dưới <6 tuổi có BHYT: 961 lượt; Người cao tuổi > 60 tuổi: 6.571 lượt; Điều trị nội trú: 136 lượt đạt 91% kế hoạch năm; Chuyển tuyến trên 5037 lượt (16% so với số lượt khám chữa bệnh trên địa bàn huyện); Khám chữa bệnh Y học cổ truyền: 8.190 lượt đạt 164% KH. Thực hiện cận lâm sàng siêu âm 440 lượt, Test đường 326 test; Điện tim 63 lượt. Test SXH được 22 lượt, XN máu 112 lượt, XN nước tiểu 112 lượt, XN HIV 175 lượt.

¹ Trong đó: công văn 230; Xây dựng 218 kế hoạch; Quyết định 255 văn bản; Báo cáo 138 văn bản; Thông báo 85 văn bản; Tờ trình 152 văn bản; Biên bản 39; Thư mời 15; văn bản khác 80.

² Trong đó: 93 biên chế; hợp đồng chuyên môn 17, hợp đồng theo Nghị định 68: 03. Trình độ chuyên môn: Trình độ chuyên môn: Sau đại học: 07 người; Đại học: 41 người; Trung cấp các loại: 60 người; Sơ cấp: 04 người. 4/4 Trạm Y tế có Bác sĩ cố định tại Trạm y tế xã, 100% Trạm y tế có hộ sinh, dược sỹ... Trình độ lý luận chính trị: CC: 03 người; TC: 17 người; SC: 24 người. Đưa đi đào tạo các lớp ngắn và dài hạn cho 25 lượt viên chức; tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho 32 lượt viên chức...

2.2. Công tác Chăm sóc SKSS/KHHGD

- Tổng số áp dụng các biện pháp tránh thai: Vòng: 251/250 đạt 100%; Thuốc tiêm: 101/50 đạt 202%; Bao cao su: 540/550 đạt 98%; Thuốc uống: 511/430 đạt 119%.

- Tổng số sanh tại cơ sở y tế trên địa bàn huyện 22; ngoài huyện là 176.

- Tổng số khám phụ khoa: 2198/2185 đạt 101%. Tổng số lượt chữa phụ khoa: 1195/830 đạt 144%.

- Tổng số phụ nữ có thai: 663 người; Số lượt khám thai: 574 lượt.

2.3. Công tác phòng, chống dịch bệnh (Từ ngày 01/01/2023-15/11/2023)

- Phòng chống bệnh truyền nhiễm phát hiện 49 ca mắc Sốt xuất huyết giảm 104 ca so với cùng kỳ năm 2022 (Trong đó: 02 ca SXH nặng; SXHD có dấu hiệu cảnh báo là 47 ca, không có ca tử vong); Tay chân miệng 48 ca tại 04 xã, tăng 04 ca so với cùng kỳ năm 2022. Tất cả được xử lý, giám sát theo dõi chuyển tuyến kịp thời.

- Các chương trình Phong, Lao, Tâm thần trong thời gian qua được quản lý, giám sát chặt chẽ, khám cấp phát thuốc điều trị kịp thời.

- Chương trình phòng chống bệnh không lây như bệnh Tăng huyết áp, Đái tháo đường ...được quan tâm, giám sát cao điểm trong tháng hành động.

- Chương trình tiêm chủng mở rộng thực hiện thường xuyên miễn dịch đầy đủ 170/176 đạt 97% so với kế hoạch; Viêm gan B 24h: 153/176 đạt 87% so với kế hoạch; Phụ nữ có thai tiêm UV2⁺ : 173/180 đạt 96% so với kế hoạch.

2.4. Chương trình An toàn thực phẩm- Y tế công cộng và Dinh dưỡng

- Theo dõi thường xuyên công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra các cơ sở, đảm bảo Vệ sinh an toàn thực phẩm tại cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống trên địa bàn huyện: trong tháng không xảy ra trường hợp ngộ độc thực phẩm. Phối hợp liên ngành thanh tra, kiểm tra 523 cơ sở đạt 105%, trong đó đạt ATTP 496 cơ sở, 27 cơ sở vi phạm (hình thức xử lý tịch thu tiêu hủy 169 kg sản phẩm hết hạn và không rõ nguồn gốc). Tiếp tục thực hiện công tác cấp giấy chứng nhận ĐDKATTP theo kế hoạch.

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện tuần lễ thế giới nuôi con bằng sữa mẹ năm 2023; tham dự tập huấn Y tế trường học – Nha học đường; quản lý sức khỏe người lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp và phòng chống tai nạn thương tích tại cộng đồng và chương trình Vệ sinh môi trường.

2.5. Công tác Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe

- Xây dựng các chỉ số về Dân số học cơ bản năm 2023 cho các cấp lãnh đạo làm cơ sở hoạch định các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương; Báo cáo nâng cao các hoạt động Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền và treo băng rôn hướng ứng các chủ đề truyền thông nhân ngày, tháng, tuần lễ, sự kiện ngành y tế. Phối hợp với Đài truyền thanh huyện tiếp tục đưa tin, bài tuyên truyền rộng rãi trên đài phát thanh về cách Phòng, chống sốt xuất huyết Deugue; Bệnh đậu mùa khi, khuyến cáo phòng, chống bệnh cúm mùa...

2.6. Công tác Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế:

Thực hiện đảm bảo tốt việc cung ứng cấp, phát thuốc, vật tư y tế phục vụ khám chữa bệnh BHYT cho các đối tượng tham gia BH trên địa bàn; Tiếp nhận, vận chuyển, bảo quản, phân phối vắc xin chương trình; Cung ứng thuốc, trang thiết bị, vật tư y tế; xây dựng danh mục vật tư y tế bổ sung năm 2022-2024; Nhận và phân phối thuốc chương trình MTYTQG; Xây dựng danh mục nhu cầu sử dụng, mua sắm nghiệp vụ phí, dụng cụ y tế cho các cơ sở khám chữa bệnh; Báo cáo tuần, tháng về sử dụng thuốc BHYT ...

II. ĐÁNH GIÁ ƯU ĐIỂM, HẠN CHẾ NGUYÊN NHÂN

1. Ưu điểm:

- Thời gian qua, được sự quan tâm theo dõi, chỉ đạo sát sao của Lãnh đạo các cấp uỷ đảng, chính quyền; sự phối hợp các ban ngành, đoàn thể xã hội tạo điều kiện cho ngành y tế địa phương phấn đấu thực hiện tốt các chương trình mục tiêu y tế quốc gia, chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho người dân, đồng thời tổ chức thực hiện tốt các đợt tiêm chủng, kế hoạch phòng chống dịch bệnh trên địa bàn huyện.

- Thực hiện nghiêm công tác chỉ đạo tuyến, hỗ trợ cho tuyến dưới; Các chương trình, kế hoạch được triển khai nhanh chóng, kịp thời xuống các cơ sở. Duy trì và ổn định nhân sự tại các cơ sở KCB, 100% các cơ sở có bác sĩ, hộ sinh trực, đảm bảo công tác khám bệnh, chữa bệnh và xử trí cấp cứu ban đầu cho Nhân dân.

- Công tác kiểm tra, giám sát hoạt động chuyên môn khám chữa bệnh, phòng chống dịch bảo đảm đúng quy trình, hướng dẫn; một số chỉ tiêu đạt vượt mức kế hoạch giao.

- Phương tiện, trang thiết bị cơ bản được đảm bảo, công tác đào tạo tập huấn sử dụng trang thiết bị được đầu tư được triển khai. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong khám chữa bệnh...

2. Hạn chế và nguyên nhân

- Phương tiện đi lại giữa các xã trong huyện và đất liền còn gặp nhiều khó khăn trong mùa mưa bão, những đợt cao điểm trong kỳ nghỉ Lễ, Tết, khách du lịch đông... dẫn tới cán bộ đi công tác triển khai các chương trình bị ảnh hưởng tiến độ thực hiện.

- Công tác chuyên tuyến, cấp cứu giá thành thuê mướn phương tiện vận chuyển cao người dân không đủ khả năng chi trả, nhiều rủi ro cho người bệnh và cán bộ y tế trong quá trình vận chuyển mùa giông bão, thời tiết xấu...

- Kinh phí hỗ trợ một số chương trình và phòng chống dịch chưa đảm bảo trong lúc chờ hướng dẫn của các Bộ, Ngành...; thiếu kinh phí hỗ trợ đào tạo một số chuyên khoa lẻ, cận lâm sàng.

+ Một số chương trình tỷ lệ đạt còn thấp, chưa đạt chỉ tiêu kế hoạch giao do hoạt động khám chữa bệnh thông tuyến, tâm lý lựa chọn các cơ sở khám chữa bệnh tuyến trên; chất lượng phục vụ đáp ứng nhu cầu của người dân còn hạn chế...

III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2024

1. Tiếp tục kiện toàn công tác quy hoạch, nhân sự ngành, ổn định tổ chức; đảm bảo các chế độ chính sách CCVC và người lao động. Tăng cường đào tạo nhân lực chuyên môn tương xứng định hướng phát triển ngành y tế địa phương.

2. Ứng dụng nhanh chóng các công nghệ thông tin nâng cao chất lượng hoạt động khám chữa bệnh phù hợp tại đơn vị; quản lý chặt chẽ, ứng dụng có hiệu quả các phần mềm trong KCB. Thực hiện Đề án Chuyển đổi số đối với ngành Y tế đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

3. Bám sát các chương trình, chỉ tiêu kế hoạch của ngành triển khai thực hiện. Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát, hỗ trợ chuyên môn; công tác phòng chống dịch; các chương trình mục tiêu y tế quốc gia. Tăng cường hoạt động KCB BHYT bằng Y học cổ truyền kết hợp y học hiện đại và phục hồi chức năng cộng đồng.

4. Phối hợp liên ngành huyện thực hiện công tác thanh kiểm tra, giám sát hoạt động quản lý Nhà nước công tác hành nghề y, dược, mỹ phẩm; An toàn thực phẩm trên địa bàn. Không để xảy ra ngộ độc trên địa bàn huyện.

5. Duy trì thực hiện, đánh giá Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã; xã nông thôn mới tiến tới thực hiện Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới năm 2024.

6. Đảm bảo công tác đầu thầu thuốc, vật tư, thiết bị; dự trữ, cung ứng đầy đủ thuốc, vật tư y tế cho công tác khám chữa bệnh, phòng chống dịch trên toàn huyện; Quản lý chặt chẽ công tác nhận, bảo quản và cung ứng thuốc, vắc xin, thuốc chương trình Tâm thần, Lao...

7. Tăng cường truyền thông, giáo dục sức khoẻ trong phòng, chống dịch bệnh, các chính sách xã hội ngành y tế; Các chương trình, kế hoạch, Đề án liên quan phát triển ngành y tế biển đảo...

IV. GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ

1. Các giải pháp

- Bám sát các chương trình kế hoạch chỉ đạo của huyện uỷ, UBND huyện; chỉ tiêu kế hoạch Sở Y tế, CDC và các Chi cục tuyến tỉnh giao để cụ thể hoá các kế hoạch của địa phương, phù hợp với tình hình thực tế tham mưu cấp lãnh đạo triển khai thực hiện đạt hiệu quả.

- Tranh thủ các nguồn vốn đầu tư, các chương trình; Đề án phát triển cho y tế biển đảo để tăng cường công tác tổ chức, đào tạo và sử dụng phù hợp có hiệu quả các nguồn lực được hỗ trợ.

- Nắm chắc diễn biến tình hình dịch bệnh trong nước và địa phương triển khai kịp thời các phương án phòng chống dịch trên địa bàn.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các chương trình mục tiêu y tế quốc gia; nâng cao chất lượng công tác khám và điều trị bệnh tuyến y tế cơ sở; Quản lý chặt chẽ công tác hành nghề y dược, mỹ phẩm; An toàn vệ sinh thực phẩm...

- Ứng dụng các tiến bộ công nghệ thông tin vào lĩnh vực ngành quản lý, sử dụng đạt hiệu quả cao...

2. Kiến nghị, đề xuất

- UBND tỉnh: Tiếp tục chỉ đạo các Sở, Ngành, UBND huyện triển khai có hiệu quả các kế hoạch, chương trình mục tiêu y tế quốc gia trong chăm sóc sức khoẻ ban đầu; toàn diện cho Nhân dân; Ưu tiên phát triển y tế biển đảo.

- Sở Y tế, CDC, Chi cục tỉnh:

+ Căn cứ tình hình thực tế từng địa phương giao chỉ tiêu, kế hoạch triển khai có hiệu quả các chương trình kế hoạch của ngành.

+ Tranh thủ các nguồn lực hỗ trợ triển khai nhanh chóng các chương trình, đề án Trung ương nhằm phát triển toàn diện hệ thống ngành y tế địa phương.

+ Có giải pháp hỗ trợ kinh phí công tác đào tạo nhân lực chuyên môn sâu, chuyên khoa lẻ, đào tạo liên tục ở tuyến y tế cơ sở về lâm sàng và cận lâm sàng; Chỉ đạo tuyến, hỗ trợ cấp cứu chuyển tuyến kịp thời...

Trên đây là Báo cáo kết quả hoạt động công tác y tế năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024 của Trung tâm Y tế huyện Kiên Hải./

Nơi nhận:

- P.KHTC-SYT;
- GD và các PGĐ TTYT;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc TTYT;
- Trang TTĐT TTYT;
- Lưu VT, KINH&ĐD.

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM
Y TẾ
HUYỆN KIÊN HẢI

Nguyễn Văn Cẩn

TRUNG TÂM BẢNG SỐ LIỆU
Tình hình hoạt động một số chương trình y tế năm 2023 Kế hoạch năm 2024

CHƯƠNG TRÌNH Y TẾ	Đơn vị	2022	2023		Tỷ lệ so với cùng kỳ (%)	Tỷ lệ so với kế hoạch (%)	Đề xuất chỉ tiêu năm 2024
		Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện			
I. CUNG CẤP Y TẾ CƠ SỞ							
Dân số huyện	Người	17980	18260	18018	100,2%	99%	18451
Số xã có Trạm y tế	Xã	4	4	4	100%	100%	4
- Số trạm y tế xã	Trạm	4	4	4	100%	100%	4
Trạm y tế đạt chuẩn quốc gia	%	4	4	4	100%	100%	4
Trung tâm y tế huyện	BV	1	1	1	100%	100%	1
Giường bệnh / vạ dân (Không có TYT)	GB/VD	30,58	30,07	30,58	100%	102%	29,8
TS cán bộ y tế	Người	114	126	110	96%	87%	126
Cán bộ y tế/Vạ dân	CB/VD	63,38	68,90	62,85	99%	91%	62,28
Bác sĩ hiện có	Người	21	21	21	100%	100%	20
Bác sĩ/Vạ dân	BS/VD	11,67	11,50	11,65	105%	101%	10,84
II. Phòng Dân số - Truyền thông giáo dục sức khỏe							
1. Kế hoạch hoá gia đình							
TS người áp dụng các BPTT mới	Người	1424	1314	1342	94%	102%	1219
TD: - Đặt vòng	Người	331	350	285	86%	81%	321
- Uống thuốc TT	Người	580	422	484	83%	115%	407
- Thuốc tiêm TT	Người	53	100	89	168%	89%	89
- Bao cao su	Người	460	440	483	105%	110%	402
- Thuốc cấy	người		2	1		50%	0
2. Công tác TT-GDSK							
Số tin, bài trên phát thanh loa huyện	Tin, bài	30	30	30	100%	100%	30
TT-GDSK tại cụm dân cư	Lần	10	20	23	230%	115%	15
Số lượt tư vấn	Lần	6989	3000	3092	44%	103%	3000
Số lần thăm hộ gia đình	Lần	3595	400	2585	72%	646%	500
Số tin bài, ảnh đăng gửi trên SKKG	Tin, bài	48	8	8	17%	100%	8
III. Khoa chăm sóc sức khỏe sinh sản							
1. Kế hoạch hóa gia đình thực hiện tại cơ sở y tế							
Đặt vòng	Lượt	324	250	251	77%	100%	
Thuốc uống	Lượt	628	430	511	81%	119%	
Bao cao su	Lượt	560	550	540	96%	98%	
Thuốc tiêm TT	Lượt	89	50	101	113%	202%	
2. Bảo vệ bà mẹ							
Số phụ nữ được đỡ đẻ tại cơ sở y tế trên địa bàn huyện	Người	39	227	22	56%	10%	
Số lần khám phụ khoa	Lần	2750	2185	2198	80%	101%	

CHƯƠNG TRÌNH Y TẾ	ĐVT	2022	2023		Tỷ lệ so với cùng kỳ (%)	Tỷ lệ so với kế hoạch (%)	Đề xuất chỉ tiêu năm 2024
		Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện			
Số phụ nữ điều trị phụ khoa	Người	1482	830	1195	81%	144%	
Số đẻ được khám thai >3 lần/kỳ	Người	39	193	22	56%	11%	
Số đẻ được quản lý thai	Người	39	227	22	56%	10%	
IV. Khoa Y tế công cộng - ATTP & DD							
I. Chương trình Vitamin A							
Số xã triển khai	Xã	4	4	4	100%	100%	4
TE 6-36 tháng uống Vit. A	TE	874	750	735	84%	98%	750
Số PN sanh trong tháng được uống Vitamin A	Người	90	92	95	106%	103%	92
2. Chương trình Nha học đường							
Số HS tiểu học được GDSK-RM 4 tiết/năm	lượt/HS	4	4	4	100%	100%	4
Số HS được súc miệng bằng NaF 2%	HS	3	4	4	133%	100%	4
Số HS mẫu giáo được GD chải răng	HS	4	4	4	100%	100%	4
Chải răng cho HS tiểu học	HS	200	400	410	205%	103%	400
3. Chương trình PC SDD							
TE <5 tuổi được cân, đo	TE	1320	1253	1266	96%	101%	1121
Tỷ lệ suy dinh dưỡng CN/Tuổi	%	7,86	7,66	6,6	119%	116%	6,4
Tỷ lệ suy dinh dưỡng CC/ T	%	8,8	8,6	7,9	111%	109%	7,7
4. Chương trình VSMT							
Kiểm tra, giám sát cơ sở y tế có công trình	Cơ sở	4	4	4	100%	100%	4
Kiểm tra, giám sát về quản lý chất thải y tế	Cơ sở	4	4	4	100%	100%	4
Thực hiện ngoại kiểm đối với đơn vị	Cơ sở	2	2	3	150%	150%	2
Kiểm tra, giám sát vệ sinh môi trường	Cơ sở	4	4	5	125%	125%	4
Kiểm tra, giám sát nhà tiêu hộ gia đình	Cơ sở	100	250	291	291%	116%	250
5. Chương trình YTTH							
Số trường được kiểm tra, giám sát các nội dung công tác y tế trường học	Trường	3	4	8	267%	200%	4
Số trường được hướng dẫn về công tác kiểm tra sức khỏe định kỳ cho học sinh	Trường	0	4	8		200%	4
6. Chương trình Vệ sinh An toàn Thực phẩm							
- Số lượt thanh, kiểm tra	Lượt	400	500	523	131%	105%	450
- Test nhanh	HS	30	30	30	100%	100%	30
- Lấy mẫu xét nghiệm	Mẫu	25	25	31	124%	124%	25
Giấy CN CSDDK ATTP	Cơ sở	5	5	38	760%	760%	5
Số ca ngộ độc thực phẩm	Cas	< 06	< 06	0			0
V. DỊCH VỤ KHÁM CHỮA BỆNH							
TS cơ sở điều trị	Cơ sở	4	4	4	100%	100%	4

CHƯƠNG TRÌNH Y TẾ	ĐVT	2022	2023		Tỷ lệ so với cùng kỳ (%)	Tỷ lệ so với kế hoạch (%)	Đề xuất chỉ tiêu năm 2024
		Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện			
TS giường bệnh:	GB	55	55	55	100%	100%	55
TTYT huyện	GB	55	55	55	100%	100%	55
TS lượt khám bệnh	Lượt	25503	25000	30390	119%	122%	30000
TS bệnh nhân điều trị nội trú	Người	131	150	136	104%	91%	150
Ngày điều trị bình quân 1 BN nội trú	Người	5	5	5	100%	100%	5
Tỷ lệ bệnh nhân khỏi đỡ giảm	Người	90	65	93	103%	143%	75
Công suất sử dụng giường bệnh	Ngày	3	3	3	100%	100%	3
Khám và điều trị YHCT	lượt	5357	5000	4500	84%	90%	3000
VI. Khoa Kiểm soát bệnh tật - HIV/AIDS							
1. Chương trình Phòng chống Sốt rét							
Tầm mùng bằng hóa chất	Người	1000	1000	100	10%	10%	
Số lam xét nghiệm	lam	250	250	240	96%	96%	
Điều trị dự phòng	lượt	0	0	0	0%	0%	
2. Phòng chống Lao							
Số BN phát hiện mới	Người	28	29	29	104%	100%	
Số BN quản lý	Người	56	58	59	105%	102%	
3. Phòng chống Phong							
Số BN phát hiện mới	Người	0	0	0	0%	0%	
Số BN quản lý điều trị	Người	2	2	2	100%	100%	
4. Sức khỏe tâm thần:							
Tổng số lượt người khám	lượt	150	150	150	100%	100%	150
Số BN phát hiện mới	Người	1	2	1	100%	50%	2
Số BN quản lý	Người	38	38	38	100%	100%	38
TH: TT phân liệt	Người	19	19	19	100%	100%	19
Động kinh	Người	19	19	19	100%	100%	19
5. Phòng chống HIV/AIDS							
Số mẫu xét nghiệm HIV	Test	204	200	207	101%	104%	
Số người nhiễm mới	Người	1	5	0	0%	0%	
Số người tử vong	Cas	27	27	28	104%	104%	
Bệnh nhân hiện đang quản lý	Người	72	61	73	101%	120%	
Số người chuyển đổi AIDS	người	28	28	28	100%	100%	
6. Quản lý và điều trị bệnh không lây nhiễm							
*Bệnh Đái tháo đường:							
- Số người được khám sàng lọc tại cộng đồng:	Người		430	420		98%	
-Số bệnh nhân được quản lý điều trị:	Người		133	159		120%	
-Tư vấn cho người tiền đái tháo đường	Buổi	8	8	8	100%	100%	
*Bệnh Tăng huyết áp:							

CHƯƠNG TRÌNH Y TẾ	ĐVT	2022	2023		Tỷ lệ so với cùng kỳ (%)	Tỷ lệ so với kế hoạch (%)	Đề xuất chỉ tiêu năm 2024
		Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện			
-Phát hiện BN qua khám sàng lọc tại cộng đồng:	<i>Người</i>		460	560		122%	
-Số bệnh nhân được quản lý và điều trị:	<i>Người</i>		338	421		125%	
- Duy trì mô hình quản lý BN tại trạm y tế:	<i>Cơ sở</i>	4	4	4	100%	100%	
7. Chương trình TCMR - LTUVSS							
Số trẻ < 1 tuổi được MDDĐ 6 loại vaccin	<i>TE</i>	123	176	170	138%	97%	
PN có thai được tiêm UV2 mũi 2	<i>Người</i>	154	176	153	99%	87%	
Viêm gan B sơ sinh	<i>Người</i>	175	180	173	99%	96%	

14